

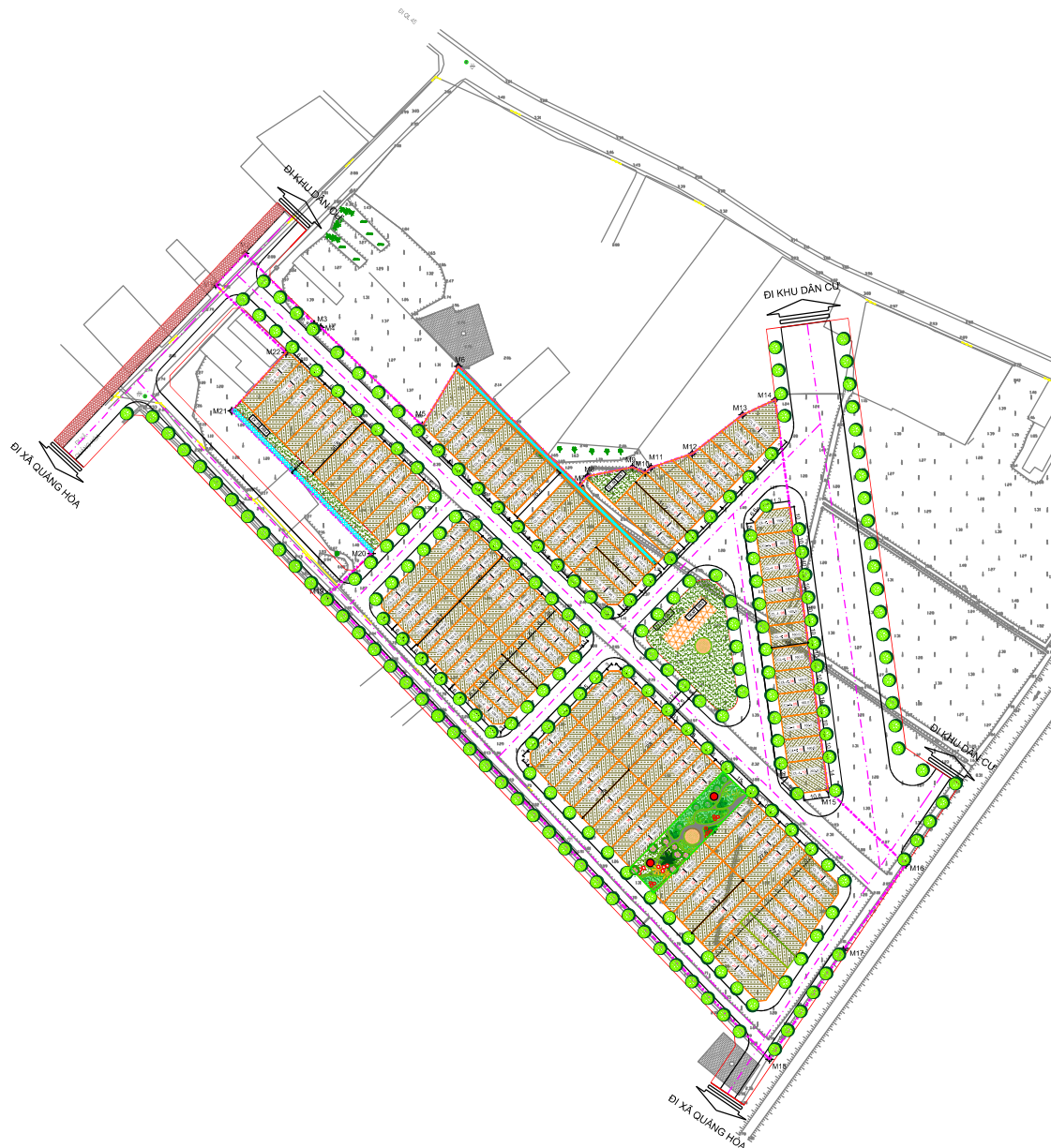
ĐỒ ÁN QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500

KHU DÂN CƯ THÔN CẦU ĐỒNG (VT3), XÃ QUẢNG TRẠCH, HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC CẢNH QUAN

BẢNG KÊ TỌA ĐỘ GÓC RANH GIỚI
Theo hệ tọa độ VN-2000

Số hiệu điểm	Tọa độ	
	X	Y
M1	579919.86	2183690.35
M2	579932.66	2183704.04
M3	579963.91	2183672.08
M4	579965.56	2183671.80
M5	580009.81	2183629.08
M6	580025.47	2183654.86
M7	580078.36	2183602.79
M8	580081.79	2183607.06
M9	580101.31	2183610.92
M10	580106.80	2183608.49
M11	580109.35	2183610.84
M12	580127.26	2183616.85
M13	580149.15	2183633.76
M14	580163.39	2183640.30
M15	580186.30	2183470.49
M16	580220.13	2183437.91
M17	580193.02	2183400.63
M18	580160.91	2183353.19
M19	579968.60	2183555.15
M20	579987.73	2183573.38
M21	579926.68	2183635.44
M22	579950.44	2183660.80



BẢNG THỐNG KÊ CHIA LỎ						
STT	Loại đất	Ký hiệu B đất	Số lu	Diện tích (m ²)	Mật độ XD (%)	Tổng cao
1	Đất ở chung cư	CL-1	126	20.956,80	(70-80)	49,72
1.1	Đất ở chung cư 1	CL-1.1	14	2.654,80	(70-80)	(16.4-15)
1	Đất ở chung cư	CL-1.01	1	213,30	(70-80)	(16.4-15)
2	Đất ở chung cư	CL-1.02	1	206,70	(70-80)	(16.4-15)
3	Đất ở chung cư	CL-1.03	1	208,10	(70-80)	(16.4-15)
4	Đất ở chung cư	CL-1.04	1	179,70	(70-80)	(16.4-15)
5	Đất ở chung cư	CL-1.05	1	189,70	(70-80)	(16.4-15)
6	Đất ở chung cư	CL-1.06	1	181,40	(70-80)	(16.4-15)
7	Đất ở chung cư	CL-1.07	1	182,40	(70-80)	(16.4-15)
8	Đất ở chung cư	CL-1.08	1	183,40	(70-80)	(16.4-15)
9	Đất ở chung cư	CL-1.09	1	184,40	(70-80)	(16.4-15)
10	Đất ở chung cư	CL-1.10	1	185,40	(70-80)	(16.4-15)
11	Đất ở chung cư	CL-1.11	1	186,40	(70-80)	(16.4-15)
12	Đất ở chung cư	CL-1.12	1	187,40	(70-80)	(16.4-15)
13	Đất ở chung cư	CL-1.13	1	188,40	(70-80)	(16.4-15)
14	Đất ở chung cư	CL-1.14	1	189,40	(70-80)	(16.4-15)
1.2	Đất ở chung cư 2	CL-1.2	27	3.879,18	(70-80)	(16.4-15)
1	Đất ở chung cư	CL-2.01	1	154,00	(70-80)	(16.4-15)
2	Đất ở chung cư	CL-2.02/03	8	2.448,00	(70-80)	(16.4-15)
3	Đất ở chung cư	CL-2.03	1	171,30	(70-80)	(16.4-15)
4	Đất ở chung cư	CL-2.11-17	7	882,00	(70-80)	(16.4-15)
5	Đất ở chung cư	CL-2.18	1	126,30	(70-80)	(16.4-15)
6	Đất ở chung cư	CL-2.19	1	166,70	(70-80)	(16.4-15)
7	Đất ở chung cư	CL-2.20	1	165,20	(70-80)	(16.4-15)
8	Đất ở chung cư	CL-2.21	1	165,70	(70-80)	(16.4-15)
9	Đất ở chung cư	CL-2.22	1	165,20	(70-80)	(16.4-15)
10	Đất ở chung cư	CL-2.23	1	160,80	(70-80)	(16.4-15)
11	Đất ở chung cư	CL-2.24	1	159,30	(70-80)	(16.4-15)
12	Đất ở chung cư	CL-2.25	1	147,80	(70-80)	(16.4-15)
13	Đất ở chung cư	CL-2.26	1	156,30	(70-80)	(16.4-15)
14	Đất ở chung cư	CL-2.27	1	153,80	(70-80)	(16.4-15)
1.3	Đất ở chung cư 3	CL-3	44	7.486,00	(70-80)	(16.4-15)
1	Đất ở chung cư	CL-3.01	1	163,30	(70-80)	(16.4-15)
2	Đất ở chung cư	CL-3.02/12	11	2.448,00	(70-80)	(16.4-15)
3	Đất ở chung cư	CL-3.11	1	166,80	(70-80)	(16.4-15)
3	Đất ở chung cư	CL-3.14	1	166,80	(70-80)	(16.4-15)
3	Đất ở chung cư	CL-3.17	1	166,70	(70-80)	(16.4-15)
3	Đất ở chung cư	CL-3.16	1	166,00	(70-80)	(16.4-15)
3	Đất ở chung cư	CL-3.17	1	166,00	(70-80)	(16.4-15)
4	Đất ở chung cư	CL-3.18	1	122,00	(70-80)	(16.4-15)
5	Đất ở chung cư	CL-3.19	1	147,80	(70-80)	(16.4-15)
6	Đất ở chung cư	CL-3.20	1	144,00	(70-80)	(16.4-15)
7	Đất ở chung cư	CL-3.21	1	152,70	(70-80)	(16.4-15)
8	Đất ở chung cư	CL-3.22	1	156,70	(70-80)	(16.4-15)
9	Đất ở chung cư	CL-3.23	1	162,70	(70-80)	(16.4-15)
10	Đất ở chung cư	CL-3.24	1	160,00	(70-80)	(16.4-15)
11	Đất ở chung cư	CL-3.25	1	175,20	(70-80)	(16.4-15)
12	Đất ở chung cư	CL-3.26	1	181,30	(70-80)	(16.4-15)
13	Đất ở chung cư	CL-3.27	1	218,00	(70-80)	(16.4-15)
14	Đất ở chung cư	CL-3.28	1	183,90	(70-80)	(16.4-15)
15	Đất ở chung cư	CL-3.29	1	191,40	(70-80)	(16.4-15)
16	Đất ở chung cư	CL-3.30	1	190,00	(70-80)	(16.4-15)
17	Đất ở chung cư	CL-3.31	1	188,30	(70-80)	(16.4-15)
18	Đất ở chung cư	CL-3.32	1	187,00	(70-80)	(16.4-15)
19	Đất ở chung cư	CL-3.33	1	185,70	(70-80)	(16.4-15)
20	Đất ở chung cư	CL-3.34	1	180,30	(70-80)	(16.4-15)
21	Đất ở chung cư	CL-3.35	1	178,80	(70-80)	(16.4-15)
22	Đất ở chung cư	CL-3.36	1	177,40	(70-80)	(16.4-15)
23	Đất ở chung cư	CL-3.37	1	175,90	(70-80)	(16.4-15)
24	Đất ở chung cư	CL-3.38	1	174,40	(70-80)	(16.4-15)
25	Đất ở chung cư	CL-3.39	1	173,00	(70-80)	(16.4-15)
26	Đất ở chung cư	CL-3.40	1	171,70	(70-80)	(16.4-15)
27	Đất ở chung cư	CL-3.41	1	170,00	(70-80)	(16.4-15)
28	Đất ở chung cư	CL-3.42	1	168,30	(70-80)	(16.4-15)
29	Đất ở chung cư	CL-3.43	1	167,00	(70-80)	(16.4-15)
30	Đất ở chung cư	CL-3.44	1	165,00	(70-80)	(16.4-15)
1.4	Đất ở chung cư 4	CL-4	12	1.853,80	(70-80)	(16.4-15)
1	Đất ở chung cư	CL-4.01	1	149,70	(70-80)	(16.4-15)
2	Đất ở chung cư	CL-4.02/11	10	2.600,00	(70-80)	(16.4-15)
3	Đất ở chung cư	CL-4.12	1	203,80	(70-80)	(16.4-15)
1.5	Đất ở chung cư 5	CL-5	29	4.873,99	(70-80)	(16.4-15)
1	Đất ở chung cư	CL-5.01	1	203,40	(70-80)	(16.4-15)
2	Đất ở chung cư	CL-5.02	1	163,30	(70-80)	(16.4-15)
3	Đất ở chung cư	CL-5.03	1	160,00	(70-80)	(16.4-15)
4	Đất ở chung cư	CL-5.04	1	162,70	(70-80)	(16.4-15)
5	Đất ở chung cư	CL-5.05	1	162,30	(70-80)	(16.4-15)
6	Đất ở chung cư	CL-5.06	1	160,00	(70-80)	(16.4-15)
7	Đất ở chung cư	CL-5.07	1	161,00	(70-80)	(16.4-15)
8	Đất ở chung cư	CL-5.08	1	161,50	(70-80)	(16.4-15)
9	Đất ở chung cư	CL-5.09	1	160,80	(70-80)	(16.4-15)
10	Đất ở chung cư	CL-5.10	1	160,00	(70-80)	(16.4-15)
11	Đất ở chung cư	CL-5.11	1	159,70	(70-80)	(16.4-15)
12	Đất ở chung cư	CL-5.12	1	159,00	(70-80)	(16.4-15)
13	Đất ở chung cư	CL-5.13	1	159,00	(70-80)	(16.4-15)
14	Đất ở chung cư	CL-5.14	1	158,00	(70-80)	(16.4-15)
15	Đất ở chung cư	CL-5.15	1	154,10	(70-80)	(16.4-15)
16	Đất ở chung cư	CL-5.16/18	3	432,00	(70-80)	(16.4-15)
17	Đất ở chung cư	CL-5.19	1	234,00	(70-80)	(16.4-15)
18	Đất ở chung cư	CL-5.20	1	187,30	(70-80)	(16.4-15)
19	Đất ở chung cư	CL-5.21	1	187,10	(70-80)	(16.4-15)
20	Đất ở chung cư	CL-5.22	1	184,00	(70-80)	(16.4-15)
21	Đất ở chung cư	CL-5.23	1	187,10	(70-80)	(16.4-15)
22	Đất ở chung cư	CL-5.24	1	167,80	(70-80)	(16.4-15)
23	Đất ở chung cư	CL-5.25	1	167,80	(70-80)	(16.4-15)
24	Đất ở chung cư	CL-5.26	1	149,00	(70-80)	(16.4-15)
25	Đất ở chung cư	CL-5.27	1	133,10	(70-80)	(16.4-15)
26	Đất ở chung cư	CL-5.28	1	127,00	(70-80)	(16.4-15)
27	Đất ở chung cư	CL-5.29	1	121,70	(70-80)	(16.4-15)
28	Đất ở chung cư	CL-5.30	1	154,00	(70-80)	(16.4-15)
29	Đất ở chung cư	CL-5.31	1	222,90	(70-80)	(16.4-15)
II	Đất xây dựng khác	TL-NT	-	300,00	-	0,71
III	Đất xây dựng	CS-BN	4	2.497,48	-	5,92
1	Đất xây dựng 1	CX01	1	149,40	-	-
2	Đất xây dựng 2	CX02	1	875,00	-	-
3	Đất xây dựng 3	CX03	1	1.447,98	-	-
4	Đất xây dựng 4	CX04	1	205,10	-	-
IV	Đất giao thông và Hs	GT-HTKT	-	19.397,80	-	43,65
TỔNG CỘNG				42.182,80		100,00



TỶ LỆ XÍCH
0 5 10 15 20 25 (M)

KÝ HIỆU	
	RANH GIỚI LẬP QUY HOẠCH
	ĐẤT Ở CHUNG CƯ
	ĐẤT CHUYỂN CÂY XANH
	ĐẤT TÊN HỀ
	ĐƯỜNG GIAO THÔNG
	RANH KHU VỰC THƯỜNG
	ĐẤT TRUYỀN
TÊN KHU	
DIỆN TÍCH LỎ	
SỐ THỦ TỰ LỎ	
SỐ THỦ TỰ LỎ	

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:	
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG	
KẾM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: 20/2018/QĐ-UBND, NGÀY 04 THÁNG 06 NĂM 2018	
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:	
PHÒNG KINH TẾ - HẠ TÁNG HUYỆN QUẢNG XƯƠNG	
KẾM THEO VĂN BẢN SỐ: 20/2018/CTP, NGÀY 27 THÁNG 06 NĂM 2018	
CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:	
XÃ QUẢNG TRẠCH, HUYỆN QUẢNG XƯƠNG	
KẾM THEO TỜ TRÌNH SỐ: 01/2018/UBND, NGÀY 04 THÁNG 06 NĂM 2018	
CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:	
QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500	
KHU DÂN CƯ THÔN CẦU ĐỒNG (VT3) XÃ QUẢNG TRẠCH	
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA	
HƯỚNG DẪN THIẾT KẾ: XÃ QUẢNG TRẠCH, HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA	
TÊN BẢN VẼ:	
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC CẢNH QUAN	
BẢN VẼ: 01/04	KHOẢNG: A0
THẺ KẾ:	KS. PHẠM VĂN TOÀN
CHỦ TRÌ:	KTS. TRẦN THANH BÌNH
QL. KỸ THUẬT:	KS. PHẠM VĂN TOÀN
GAM ĐỌC:	
KS. BÙI VĂN THỊ	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG QUẢNG XƯƠNG 1	
ĐỊA CHỈ: THÔN CẦU ĐỒNG, T. THỊ TRẤN PHƯỚC, HUYỆN QUẢNG XƯƠNG	
EMAIL: QUANGXUONG1.JSC@GMAIL.COM	